

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU**

--***--

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc.**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 01/7/2022

Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Văn T.

*/ Hội thẩm nhân dân :

- Ông Lê Quang T

- Bà Lê Thị O.

*/ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Cán bộ Tòa án.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 37/2021/DSST, ngày 03 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/DSST-QĐXX ngày 24/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 20/6/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1983 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tr T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

HKTT, TT: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị L, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

HKTT, TT: Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có quan điểm như sau:

Do có mối quan hệ quen biết và là họ hàng nên thông qua anh Đỗ Văn C, sinh năm 1982 là người ở thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên, nên chị đã cho anh

Nguyễn Tr T, sinh năm 1970 (vợ là chị L, hiện đang là giáo viên Trường Trung học cơ sở Dạ Trạch) vay tôi số tiền 750.000.000 đồng vào ngày 01/10/2013.

Mục đích anh T có hỏi vay chị tiền để làm ăn, khi hỏi vay chị tiền thì anh T là người hỏi vay tiền, lúc giao tiền thì chị giao tiền tại nhà anh T khi giao tiền xong thì chị Lê vợ anh T đi dạy học về cũng biết, chị và chị L có chào hỏi nhau, xong chị ra về. Việc vay mượn tiền anh chị có lập giấy tờ vay, anh T là người viết giấy nhận tiền, theo thỏa thuận thì chị cho anh T vay trong khoảng 01 tháng kể từ ngày vay tiền là ngày 01/10/2013, lãi suất vay là tương đương lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay là 1,5%/ tháng. Chị cho vay thì không cầm cố hay thế chấp tài sản gì.

Đến thời hạn trả nợ chị có đến nhà anh T nhiều lần đòi nợ nhưng đều không gặp anh T mà chỉ gặp chị Lê vợ anh T và chị L đã nói với chị là anh T đi làm ăn xa không có nhà và thông báo số tiền vay của chị đã dùng vào đánh bạc thua hết nên không có tiền trả.

Đến ngày 05/01/2014 thì chị gặp anh T và anh T mới chịu trả cho chị số tiền là 10.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần đến nhà gặp đòi, nhưng anh T không trả, và chị có được biết Công an tỉnh Hưng Yên bắt anh T về tội đánh bạc, sau đó bị Tòa án xét xử và anh T đi cải tạo. Chị không biết anh T ra tù vào thời gian nào thì chị không rõ, chị có đòi nợ nhưng anh T nói đã chơi bởi hết số tiền vay của chị nên xin khất nợ tiếp. Sau đó đến 22/7/2019 thì anh T có điện thoại cho chị bảo đến quán cà phê Thiên Trang - thị trấn Khoái Châu để nhận số tiền là 3.000.000 đồng mà anh T anh gửi bạn là C là người ở xã A để trả cho chị tiền.

Từ năm 2019 cho đến nay anh T đã trả cho chị vài lần tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện khoái Châu buộc anh Nguyễn Tr T và vợ là chị L cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền là 687.000.000 đồng và không yêu cầu anh T và chị L phải trả tiền lãi cho chị. Trước đây theo đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh T phải trả số tiền là 737.000.000 đồng thì nay chị xác định anh T còn nợ số tiền gốc là 687.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Tr T đến Tòa án để làm việc tuy nhiên anh T không đến, nên ngày 09/3/2022 Tòa án đến Ủy ban nhân dân xã A tiến hành lấy lời khai của anh T có sự chứng kiến của công an xã A, anh T khai như sau:

Anh đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên do anh bận công việc nên không đến Tòa án được. Về việc chị Bùi Thị Tr khởi kiện anh vay số tiền là 750.000.000 đồng là không đúng, bởi số tiền anh vay thực tế là 450.000.000 đồng, anh và chị Tr có làm giấy vay tiền, lãi suất vay theo ngày, cho đến nay anh đã trả

gần hết số tiền nợ chị Tr hiện nay chỉ còn nợ là 150.000.000 đồng. Khi giao trả tiền thì đều có người làm chứng, anh sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Anh cũng xác nhận giấy vay nợ đề ngày 01/10/2013 là chữ anh viết, ký, tuy nhiên vào thời điểm đó chị Tr nợ rất nhiều người nên chị Tr có nhờ anh viết giấy vay tiền với số tiền là 750.000.000 đồng, để chị Tr khất nợ với các chủ nợ, chứ thực tế anh chỉ vay có 450.000.000 đồng.

Nay chị Tr khởi kiện anh tại Tòa án thì quan điểm của anh xác định hiện nay anh còn nợ chị Tr số tiền là 150.000.000 đồng, anh hứa sẽ cố gắng thanh toán trả hết số tiền còn thiếu cho chị Tr vào năm 2022, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh và chị Tr có buổi hoà giải, tại buổi hoà giải anh sẽ cung cấp cho Tòa án các giấy tờ về việc vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị L trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Chị là vợ của anh Nguyễn Tr T, sinh năm 1970 trú tại Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Chị không có mối quan hệ hay quen biết gì với chị Bùi Thị Tr. Chị cũng biết hiện nay Tòa án đang thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị Tr và bị đơn là anh Nguyễn Tr T là chồng chị.

Về việc chồng chị là anh T có vay mượn tiền chị Tr như thế nào thì chị không biết rõ, chị không liên quan gì đến việc vay mượn tiền này. Việc anh T vay tiền của chị Tr thì sử dụng vào mục đích riêng, không sử dụng vào sinh hoạt gia đình.

Chị Tr có lần cho xã hội đen đến tận trường học của chị để đe dọa chị và các con chị.

Do việc vay tiền của anh T với chị Tr không liên quan đến chị nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Tr T phải thanh toán trả chị số tiền nợ là 687.000.000 đồng chị không yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi từ thời điểm vay cho đến nay.

Bị đơn anh Nguyễn Tr T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị L có đơn xin vắng mặt nên tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án này: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng quy định của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 280, Điều 35, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tr, buộc ông Nguyễn Tr T phải thanh toán toàn bộ số tiền cho chị Tr là 687.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thẩm vấn tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện khách quan các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên toà hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Tr T vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đề nghị xét xử vắng mặt anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Toà án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục tham gia phiên toà cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này: Theo chị Tr trình bày thì chị có cho anh T vay số tiền là 750.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 30/10/2013, tuy nhiên nhiều lần chị yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T không thanh toán trả chị số tiền nợ, theo như thoả thuận thì hợp đồng vay tài sản này các bên thoả thuận lãi suất vay theo quy định nhà nước. Quá trình làm việc cũng như tại phiên toà hôm nay chị Tr yêu cầu anh T phải thanh toán số tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Từ đó xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp có kỳ hạn, không lãi suất được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Tại phiên toà hôm nay chị Bùi Thị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Tr T phải thanh toán trả chị số tiền nợ còn thiếu là 687.000.000 đồng và chị không yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi từ thời điểm vay cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Khoái Châu đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hoà giải, giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ tài liệu, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công

khai chứng cứ và hoà giải liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh Nguyễn Tr T đều không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu phản tố. Mặt khác tại biên bản lấy lời khai của anh T ngày 09.3.2022 anh T xác định có nợ chị Tr số tiền là 450.000.000 đồng, đồng thời anh cho rằng đến thời điểm hiện nay anh đã trả gần hết và chỉ còn nợ chị Tr 150.000.000 đồng, anh cũng xác nhận giấy vay nợ đề ngày 01/10/2013 là chữ anh viết, ký, tuy nhiên vào thời điểm đó chị Tr nợ rất nhiều người nên chị Tr có nhờ anh viết giấy vay tiền với số tiền là 750.000.000 đồng, để chị Tr khất nợ với các chủ nợ, chứ thực tế anh chỉ vay có 450.000.000 đồng, anh có đề nghị Toà án hoà giải và anh sẽ cung cấp giấy tờ vay cho Toà án, tuy nhiên Toà án đã nhiều lần triệu tập và có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh T không không đến để hoà giải và cũng không bắt cứ tài liệu nào cho Tòa án. Do đó, Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự để xác định các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Tr yêu cầu anh T phải trả chị số tiền 687.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị L: Theo chị L trình bày thì chị không biết việc anh T vay tiền của chị Tr, và sử dụng vào mục đích riêng, không sử dụng vào làm ăn, sinh hoạt chung của gia đình. Đồng thời chị Tr cũng khai nhận là khi giao dịch vay tiền thì chỉ có anh T là người vay, viết giấy, nhận và trả tiền còn chị L vợ anh T không tham gia, do đó xác định đây là khoản nợ riêng của anh T nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ buộc anh T phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị Tr.

Về lãi suất: Chị Bùi Thị Tr không có yêu cầu về lãi suất. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn buộc anh Nguyễn Tr T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Bùi Thị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 3, Điều 26 khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tr.

Buộc anh Nguyễn Tr T sinh năm 1970 trú tại Thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên phải trả cho chị Tr số tiền là 687.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Tr có đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án thì hàng tháng anh Nguyễn Tr T còn phải phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Tr T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 15.740.000 đồng.

Trả lại cho chị Bùi Thị Tr số tiền là 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0007566 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, có mặt biết có quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt thường trú./.

Nơi nhận

- Phòng KTNV –THA.TAND tỉnh;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- THADSH.Khoái Châu;
- Lưu Hồ sơ vụ án .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn T

